

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2023/HNGĐ-ST
Ngày 08-6-2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Nhưong.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thanh Thuận.

Ông Mạc Vương Long.

- Thư ký phiên tòa: Bà Diệp Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 131/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2023/QĐXX-ST ngày 22 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Q, sinh năm 1984. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Văn H, sinh năm 1978. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.
Cùng địa chỉ: Thôn K, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 14/4/2023 và những lời khai tiếp theo của nguyên đơn chị Phạm Thị Q, bản tự khai của bị đơn anh Lê Văn H thì nội dung vụ án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Q kết hôn với anh Lê Văn H vào ngày 11 tháng 4 năm 2003. Trước khi cưới có được tự do tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Chị Q và anh H đăng ký kết hôn tại UBND xã Phụng Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Sau ngày cưới chị Q và anh H về chung sống với nhau ngay tại gia đình anh H. Chị Q và anh H chung sống với nhau tình cảm ban đầu hòa thuận, hạnh phúc nhưng đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau làm cho cuộc sống gia đình không hạnh phúc, anh H chơi bời, nghiện ngập không quan tâm đến gia đình con cái. Vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 3 năm 2022 cho đến nay không ai quan tâm đến ai, không còn liên lạc với nhau. Gia đình họ hàng hai bên cũng có giải hoà cho hai vợ chồng nhưng không thành. Nay chị Q xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Văn H. Anh Lê Văn H cũng xác định không còn tình cảm với chị Q, chị Q xin ly hôn anh H nhất trí.

Về con chung: Chị Phạm Thị Q và anh Lê Văn H có hai con chung Lê Trung H, sinh ngày 14/4/2002 và Lê Bảo T, sinh ngày 16/12/2011. Hiện nay, cháu H đã trưởng thành không đề nghị Tòa án giải quyết. Cháu Trung hiện nay đang ở cùng chị Q, sau ly hôn chị Q và anh H đều có nguyện vọng được nuôi con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con chung chị Q và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Phạm Thị Q và anh Lê Văn H không có tài sản chung, công nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại bản trình bày cũng như biên bản lấy lời khai của cháu Lê Bảo T ngày, cháu T trình bày: Cháu là con trai thứ hai của bố Lê Văn H và mẹ Phạm Thị Q. Cháu được biết bố mẹ cháu đang làm thủ tục ly hôn tại Tòa án. Cháu không muốn bố mẹ ly hôn, cháu muốn bố mẹ về đoàn tụ với nhau. Nếu bố mẹ kiên quyết ly hôn thì cháu không có ý kiến gì. Bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng ở cùng mẹ cháu. Cháu xác định từ nhỏ do bố mẹ cháu nuôi ăn học đến nay, cháu xác định không có công sức đóng góp gì vào tài sản của bố mẹ.

Tại phiên tòa, chị Phạm Thị Q và anh Lê Văn H đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự. Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Q, cho chị Phạm Thị Q được ly hôn anh Lê Văn H.

- Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị Q là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng con chung là Lê Bảo T, sinh ngày 16/12/2011. Việc cấp dưỡng nuôi con chung chị Q và anh Huy không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Phạm Thị Q là nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Phạm Thị Q có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang giải quyết cho chị và anh Lê Văn H được ly hôn. Bị đơn anh Lê Văn H là người có hộ khẩu thường trú tại: Thôn K, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Hội đồng xét xử xác định: Về quan hệ pháp luật đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định

tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; Về thẩm quyền: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên toà, nguyên đơn chị Phạm Thị Q và anh Lê Văn H đều vắng mặt và có đơn xin vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại Điều 227; Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt chị Phạm Thị Q và anh Lê Văn H.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Q và anh Lê Văn H kết hôn với nhau vào ngày 11 tháng 4 năm 2003, trước khi kết hôn có được tự do, tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phượng Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Như vậy xác định đây là hôn nhân hợp pháp, đúng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Trong quá trình chung sống chỉ được một thời gian ngắn là hai bên đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi nhau, xích mích. Chị Q và anh H đã sống ly thân từ đầu năm 2022 đến nay không còn ai quan tâm tới ai. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Q và anh H là có thật. Sau khi thụ lý vụ án chị Q và anh H đều cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau nữa. Quá trình giải quyết, chị Q vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H. Bị đơn anh Lê Văn H xác định vợ chồng có mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn, chị Q đề nghị ly hôn anh nhất trí.

[5] Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng cả chị Phạm Thị Q và anh Lê Văn H đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy định đã nêu ở trên. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Phạm Thị Q và anh Lê Văn H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Phạm Thị Q được ly hôn anh Lê Văn H.

[6] Về con chung: Chị Phạm Thị Q và anh Lê Văn H có hai con chung là Lê Trung H, sinh ngày 14/4/2002 và Lê Bảo T, sinh ngày 16/12/2011. Cháu H đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét giải quyết. Chị Q và anh H có nguyện vọng

nuôi dưỡng con chung Lê Bảo T sau khi ly hôn. Xét thấy kể từ khi ly thân đến nay cháu T do chị Q chăm sóc ổn định, cháu Lê Bảo T có nguyện vọng ở với chị Q. Anh Lê Văn H không đến Tòa án để trình bày ý kiến nguyện vọng của mình. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung tiếp tục giao cho chị Q là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Lê Bảo T là phù hợp với Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình và phù hợp với nguyện vọng của con chung. Anh Lê Văn H được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét, giải quyết do đương sự không yêu cầu.

[7] Về tài sản chung, công nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc chị Phạm Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[9] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc giải quyết ly hôn, con chung giữa chị Phạm Thị Q và anh Lê Văn H phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần được chấp nhận

[10] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị Q.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho Chị Phạm Thị Q được ly hôn với anh Lê Văn H.
2. Về con chung: Giao cho con chung là Lê Bảo T, sinh ngày 16/12/2011 cho chị Phạm Thị Q là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đủ

18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết do đương sự không yêu cầu.

Sau khi ly hôn anh Lê Văn H được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị Q phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số **0003974** ngày 14 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Phạm Thị Q đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn;
- UBND xã Phượng Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang (số 72/2003);
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Đức Nhường

